

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-03-2018.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắm;

2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện VKSND huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 274/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26-01-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị U, sinh năm 1993. (có mặt)

KHTT: Thôn C, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Thôn CT, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức Văn, sinh năm 1985.(vắng mặt)

ĐKHKT và trú tại: Thôn C, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị Phạm Thị U và anh Bùi Đức V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương ngày 20-01-2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, đôi khi vô cớ anh V cũng gây sự với chị dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau. Có nhiều lần anh V đi chơi về khuya, chị có nói thì anh lại đánh chị. Chị phải đề nghị UBND xã T can thiệp. Ngày 29-10-2017, vợ chồng cãi, đánh nhau. Anh V gọi mẹ chị U sang nhà nói đuổi chị U đi và bắt chị làm đơn ly

hôn. Do không thể chịu được cách đối xử của anh V nên chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị sống ly thân nhau từ đó. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 22-11-2014 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 18-8-2016. Trước khi phiên tòa được mở, các con chung ở với anh V vì khi bỏ nhà anh V đi, chị U mang theo con nhưng gia đình anh V không đồng ý. Đến nay, anh V đã giao cháu Bùi Ngọc A cho chị nuôi. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung Bùi Ngọc A, giao con chung Bùi Thị Trà M cho anh V. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị U đang làm công nhân, thu nhập trung bình 4.000.000đ/tháng. Chị đang ở cùng bố mẹ đẻ ổn định.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết tại Tòa án bị đơn trình bày: Anh Bùi Đức V thống nhất với chị Phạm Thị U về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh V xác định trong cuộc sống hàng ngày, chị U có mâu thuẫn, to tiếng với gia đình chồng. Đến cuối tháng 10 năm 2017, chị U tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở không rõ lý do. Anh không đi tìm chị U về vì chị tự đi thì chị tự về. Anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị U xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh V trình bày thống nhất như chị U về 02 con chung. Nếu phải ly hôn, anh xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh làm nghề lái xe, thu nhập 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương: Chị U và anh V là công dân tại địa phương. Anh chị có mâu thuẫn, xô sát, đánh nhau nên chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ vài tháng nay. Nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm được. Chị U có đơn đề nghị Công an xã giải quyết việc anh V đánh chị. Xét thấy sự việc chưa đến mức phải xử lý theo pháp luật nên Công an xã T đã vận động hòa giải hai bên, nhắc nhở anh V chấm dứt hành vi đánh vợ.

Bà Hoàng Thị Thoảng trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh V. Chị U và anh V kết hôn với nhau năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung cùng gia đình bà. Trong cuộc sống, vợ chồng có xảy ra xô sát, đánh nhau. Bà có khuyên bảo chị U nhưng chị U không nghe. Chị U về nhà bố mẹ đẻ ở và để hai con lại cho anh V và gia đình bà chăm sóc.

Bà Phạm Thị Hương trình bày: Bà là cô ruột của chị U. Trong cuộc sống, chị U và anh V có nhiều mâu thuẫn, bà nghe chị U nhiều lần kể chuyện bị anh V đánh. Bà đã khuyên bảo chị U phải nhẫn nhịn nhưng anh V không thay đổi tính tình, vẫn tiếp tục đánh vợ. Nay chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở.

Bà Phạm Thị Chúc trình bày: chị U và anh V có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Nhiều lần anh V đi chơi

về khuya lại còn đánh chị U thậm tệ. Bà đã khuyên bảo hai bên nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn nảy sinh. Anh V còn đến tận nhà bà chửi chị U. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị U. Anh chị có hai con chung. Khi chị U đi khỏi nhà anh V có mang theo con nhưng anh V giằng con lại không cho mang theo. Hôm sau chị U lại sang đón cháu bé về cho bú nhưng gia đình anh V không cho đón, không cho thăm con. Chị U hiện đang có công việc, thu nhập ổn định. Gia đình bà cho mẹ con chị U ở cùng nhà lâu dài và giúp chị U chăm sóc cháu bé khi chị U bận công việc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, chị U có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Anh V vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng tuyên xử: Chị Phạm Thị U được ly hôn anh Bùi Đức V. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 22-11-2014 cho anh V; giao con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 18-8-2016 cho chị Phạm Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Thời gian giao con kể từ tháng 03 năm 2018 đến khi các con chung thành niên, tròn 18 tuổi. Anh Bùi Đức V và chị Phạm Thị U đều được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau. Chị U phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Bùi Đức V đã trực tiếp nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị U và anh Bùi Đức V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương ngày

20-01-2014 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Chị U phải đề nghị UBND xã T can thiệp. Ngày 29-10-2017, chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh V xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, không biết vì sao chị U bỏ đi. Chị U xin ly hôn, anh V không đồng ý nhưng không có biện pháp gì khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, anh không đi tìm chị U về đoàn tụ. Lời khai của chị U, anh V phù hợp với cung cấp của địa phương, người làm chứng. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị U và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U, cho chị U được ly hôn với anh V.

[3]. Về con chung: Chị U, anh V có hai con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 22-11-2014 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 18-8-2016. Hiện nay cháu Trà M đang ở với anh V, cháu Ngọc A đang ở với chị U. Khi chị U bỏ nhà anh V đi, chị U đã xin phép mang con theo nhưng anh V và gia đình không đồng ý chứ chị không bỏ mặc con. Khi ly hôn, chị U xin được nuôi cháu Ngọc A, giao cháu Trà M cho anh V. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh V xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét điều kiện về kinh tế và chỗ ở thì anh chị đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên giao con chung cho ai phải đảm bảo quyền lợi của các con chung trên cơ sở quy định của pháp luật. Cháu Ngọc A chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, cháu Ngọc A được giao cho chị U trực tiếp nuôi trừ trường hợp giữa chị U và anh V có thỏa thuận khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U, giao cháu Ngọc A cho chị U, giao cháu Trà M cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 03 năm 2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản: Chị U và anh V đã thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị không có tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị U phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. □p dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị U được ly hôn anh Bùi Đức V.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày 22-11-2014 cho anh Bùi Đức V; giao con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 18-8-2016 cho chị Phạm Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V và chị U không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Thời gian giao con kể từ tháng 03 năm 2018 đến khi các con chung thành niên, tròn 18 tuổi.

Anh Bùi Đức V và chị Phạm Thị U được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0001067 ngày 28-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Hải Dương. Chị U đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục thi hành án huyện Thanh Hà;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thúy Hằng

